

KHUNG MA TRẬN

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	2 0,5 đ			1 1,0 đ					3 15%
		Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên.	2 0,5 đ					2 2,0 đ			4 25%
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố	6 1,5 đ					1 1,0 đ			7 25%
2	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	2 0,5 đ			1 1,0 đ					3 15%
		Hình chữ nhật, hình thoi.				1 1,0 đ				1 1,0 đ	2 20%
Tổng			12 3,0 đ			3 3,0 đ		3 3,0 đ		1 1,0 đ	19 10,0 đ
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		100%
Tỉ lệ chung			60%				40%				100%

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá		Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ VÀ ĐẠI SỐ							
1	Số tự nhiên	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	Nhận biết: – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.	2 (TN)			
			Thông hiểu: – Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân. – Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã.		1 (TL)		
		Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	Nhận biết: – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.	2 (TN)			
			Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.			2 (TL)	

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá		Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí. - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).				
			Vận dụng cao: Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính.				
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố.	Nhận biết : - Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. - Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. - Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư.	6 (TN)			
			Vận dụng: - Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không. - Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...).			1 (TL)	
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá		Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
HÌNH HỌC TRỰC QUAN							
2	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	Nhận biết:	2 (TN)			
			– Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.				
		Thông hiểu:		1 (TL)			
		– Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau).					
Hình chữ nhật, hình thoi.	Thông hiểu:		1 (TL)				
	– Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi.						
		Vận dụng cao:					1 (TL)
		– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.					

MÔN: TOÁN

Thời gian làm bài: 90 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Em hãy chọn câu trả lời đúng và ghi vào bài làm.

Câu 1. Biết $\mathbb{N}$ là tập hợp số tự nhiên. Cách viết đúng là

- A. $\mathbb{N} = \{1; 2; 3; 4; \dots\}$ B. $\mathbb{N} = \{0; 1; 2; 3; 4; \dots\}$ C. $\mathbb{N} = \{0; 1; 2; 3; 4\}$ D. $\mathbb{N} = \{1; 2; 3; 4\}$

Câu 2. Phần tử thuộc tập hợp $Q = \{0; 2; 4; 6; 8\}$ là

- A. 0 B. 1 C. 3 D. 5

Câu 3. Kết quả của phép tính $12 + 8.5$ bằng

- A. 100 B. 52 C. 25 D. 136

Câu 4. Biểu thức sử dụng đúng thứ tự các dấu ngoặc là

- A. $24 : \{15 - [1 + (36 : 18)]\}$ C. $24 : [15 - \{1 + (36 : 18)\}]$
B. $24 : \{15 - (1 + [36 : 18])\}$ D. $24 : (15 - \{1 + [36 : 18]\})$

Câu 5. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng

- A. $3 \div 12$ B. $12 \div 3$ C. $12 \div 3$ D. $12 \div 12$

Câu 6. Trong các số: 2; 3; 16; 18, bội của số 6 là số

- A. 2 B. 3 C. 16 D. 18

Câu 7. Ghép mỗi ý ở cột A với một ý ở cột B để được khẳng định đúng và ghi vào bài làm (Ví dụ: 1 - c; 2 - b)

A	B
1. Số 3 là	a. $12 : 4$
2. Số 20 là	b. $q = 50; r = 13$
3. Thương q và số dư r trong phép chia $a = 713$ cho $b = 51$ là:	c. $15 : 7$
4. 8 là dư trong phép chia	d. số nguyên tố
	e. $q = 13; r = 50$
	f. hợp số

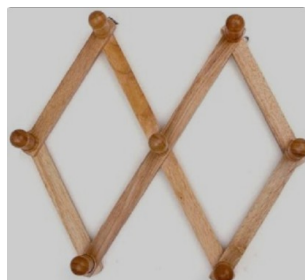
Câu 8. Trong các hình sau, hình nào có hình ảnh là *tam giác đều*?



(Hình 1)



(Hình 2)



(Hình 3)



(Hình 4)

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 9. Có bao nhiêu hình lục giác đều trong bức tranh sau?



A. 8

B. 7

C. 6

D. 5

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1 (1 điểm). Em hãy

- Viết lại số La Mã *XXVII* về số tự nhiên.
- Viết số tự nhiên nhỏ nhất có ba chữ số.

Bài 2 (2 điểm). Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể)

- $303 - 3 \cdot \left[655 - (18 : 2 + 1) \cdot 4^3 + 5 \right] : 10^0$
- $75.68 + 75.54 - 75.22$

Bài 3 (1 điểm). Để chuẩn bị cho hội khỏe Phù Đồng, thầy huấn luyện viên của trường muốn chia đội tuyển thành các nhóm để tập thì thấy rằng nếu chia hai người một nhóm hay ba người một nhóm thì vừa đủ còn nếu chia năm người một nhóm thì lại thừa ra một người. Em hãy hộ thầy huấn luyện viên tính xem đội tuyển có bao nhiêu người. Biết rằng số vận động viên của đội tuyển có từ 30 đến 40 người.

Bài 4 (2 điểm).

- Cho hình vuông ABCD có độ dài cạnh $AB = 8$ cm. Vậy độ dài cạnh CD bằng bao nhiêu?
- Em hãy nêu các nhận xét về các cạnh của hình chữ nhật EFGH.

Bài 5 (1 điểm). Năm 2017 gạo ST 24 của Sóc Trăng - Việt Nam đã được vinh danh trong “top 3 gạo ngon nhất thế giới”. Bác Hai trồng giống lúa ST 24 đó trên một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài bằng 42 m và chiều rộng bằng 25 m. Biết cứ 1 mét vuông thu hoạch được 1 kg thóc và mỗi kg thóc bác bán được 8 500 đồng. Hỏi khi bán cả thửa ruộng bác Hai thu được bao nhiêu tiền?

MÔN: TOÁN

I. TRẮC NGHIỆM. (3,0 điểm) Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu	1.	2.	3.	4.	5.	6.	7.				8.	9.
Đáp án	B	A	B	A	C	D	1-d	2-f	3-b	4-c	A	C

II. TỰ LUẬN. (7,0 điểm)

BÀI	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
1 (1 đ)	a) Viết lại số La Mã XXVII về số tự nhiên. Ta có: XXVII = 27	0,5
	b) Viết số tự nhiên nhỏ nhất có ba chữ số. Số tự nhiên nhỏ nhất có ba chữ số là: 100	0,5
2 (2 đ)	Bài 2 (2 điểm). Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể)	
	a) $303 - 3 \cdot \left[655 - (18 : 2 + 1) \cdot 4^3 + 5 \right] : 10^0$ $= 303 - 3 \cdot \{ 655 - 10 \cdot 64 + 5 \} : 1$	0,25
	a) $= 303 - 3 \cdot \{ 655 - 640 + 5 \}$ $= 303 - 3 \cdot 20$	0,25
	$= 303 - 60$ $= 243$	0,25
	b) $75 \cdot 68 + 75 \cdot 54 - 75 \cdot 22$ $= 75(68 + 54 - 22)$	0,5
	$= 75 \cdot 100$	0,25
	$= 7500$	0,25
3 (1 đ)	Vì khi chia hai người một nhóm vừa đủ nên số vận động viên chia hết cho 2.	
	Đội tuyển có từ 30 đến 40 người, từ số 30 đến số 40 có các chia hết cho 2 là: 30; 32; 34; 36; 38; 40	
	Do đó số vận động viên của đội có thể là 30; 32; 34; 36; 38 hoặc 40 người.	0,25
	Khi chia ba người một nhóm cũng vừa đủ nên số vận động viên là số cũng chia hết cho 3.	
	Trong các số 30; 32; 34; 36; 38 số chia hết cho 3 là 30; 36. Vậy số vận động viên có thể là 30 hoặc 36 người.	0,25
	Mà khi chia năm người một nhóm thì thừa 1 người nên số vận động viên là số chia cho 5 dư 1.	

	Trong các số 30; 36, số chia cho 5 dư 1 là số 36	0,25
	Vậy số vận động viên của đội tuyển là 36 người.	0,25
4 (2 đ)	a) Vì ABCD là hình vuông nên $AB = CD$ mà $AB = 8 \text{ cm}$ nên $CD = 8 \text{ cm}$.	0,5
		0,25
	b) Hình chữ nhật EFGH có các nhận xét về cạnh sau: - Hai cạnh đối bằng nhau: $EF = GH$; $EH = FG$ - Hai cạnh đối EF và GH ; EH và FG song song với nhau.	0,5
5 (1 đ)		0,5
	Vì mảnh ruộng có dạng hình chữ nhật nên diện tích của thửa ruộng là: $42 \cdot 25 = 1050 \text{ (m}^2\text{)}$	0,25
	Vì cứ 1 mét vuông thu hoạch được 1 kg thóc nên số kg thóc thu hoạch được là: $1050 \cdot 1 = 1050 \text{ (kg)}$	0,25
	Vì mỗi kg thóc bán được 8 500 đồng nên số tiền bác Hai thu được là: $8 500 \cdot 1050 = 8 925 000 \text{ (đồng)}$. Vậy khi bán cả thửa ruộng bác Hai thu được 8 925 000 (đồng).	0,25